CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Nam Hà Nội

Ngày 31/12/2024	27,700 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.8%	**14.7%**	**-8.7%**

DT thuần
Q4/24
40.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 15.9| 64.3%
YoY: ▲ 13.0| 47.1%

LN thuần
Q4/24
11.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.20| -21.3%
YoY: ▲ 5.17| 79.5%

LN sau thuế
Q4/24
10.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.80| -15.3%
YoY: ▲ 4.93| 95.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
50.7%
YoY: +/-▲ 37.2%

ROE
2024
13.3%
YoY: +/-▲ 11.9%

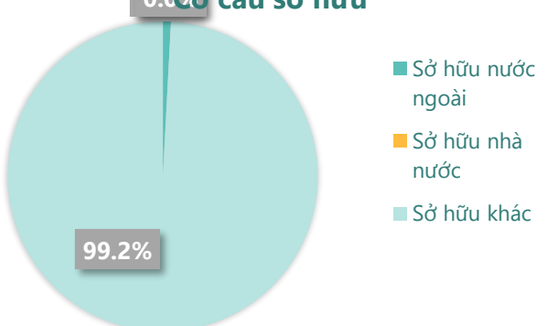
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	16,500 - 32,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,224
Số lượng CPLH (CP)	44,174,520
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,059,460
Sở hữu nước ngoài	0.8%
Beta	2.06
EPS	1,428
P/E	19.4

DT thuần
2024
160
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 86.9| 119%

LN thuần
2024
77.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 71.1| 1051%

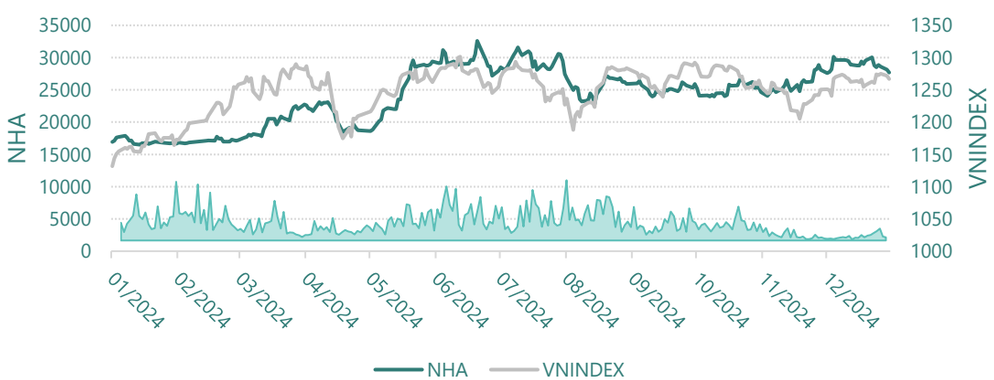
LN sau thuế
2024
63.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 57.1| 969%

Cơ cấu sở hữu

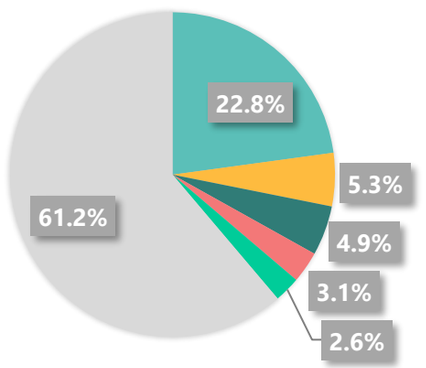


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

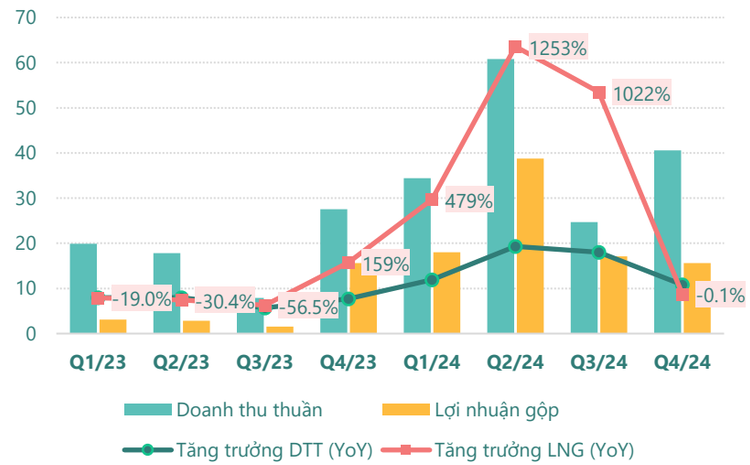


- Nguyễn Minh Hoàn (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Hoàng Đạo (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Đức Kiên (Phó Tổng giám đốc)
- Nguyễn Ngọc Hương
- Phạm Văn Tuân
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

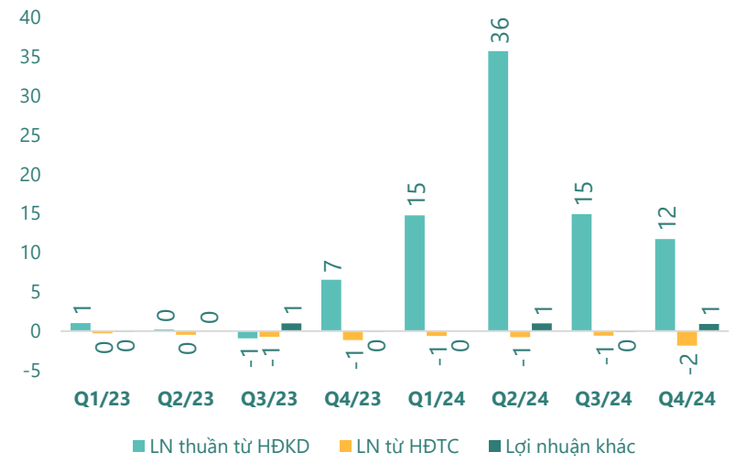
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



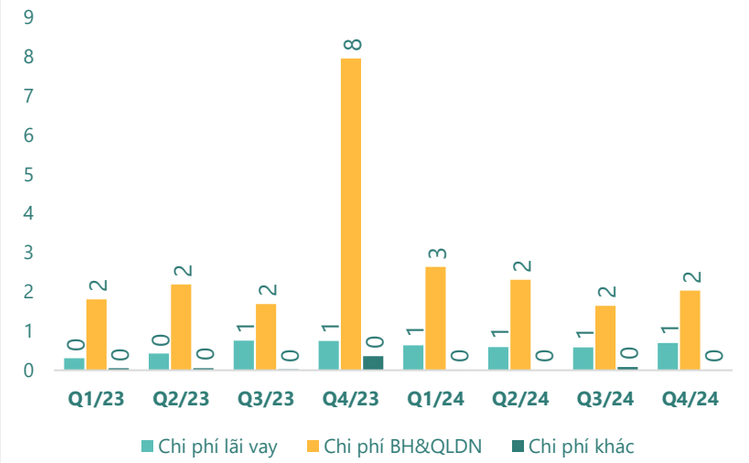
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



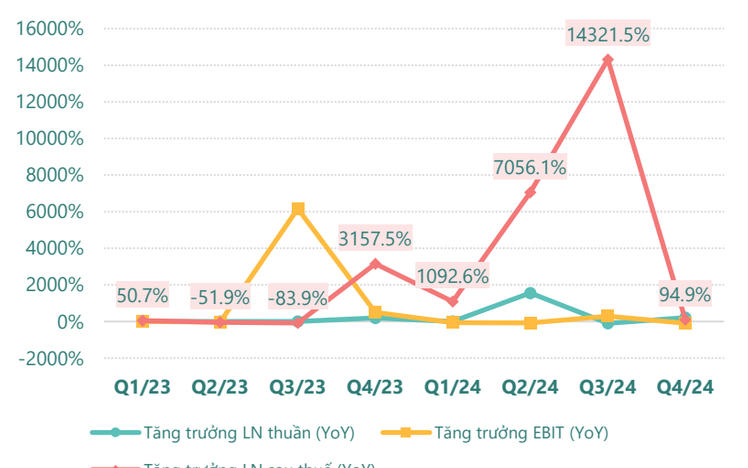
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



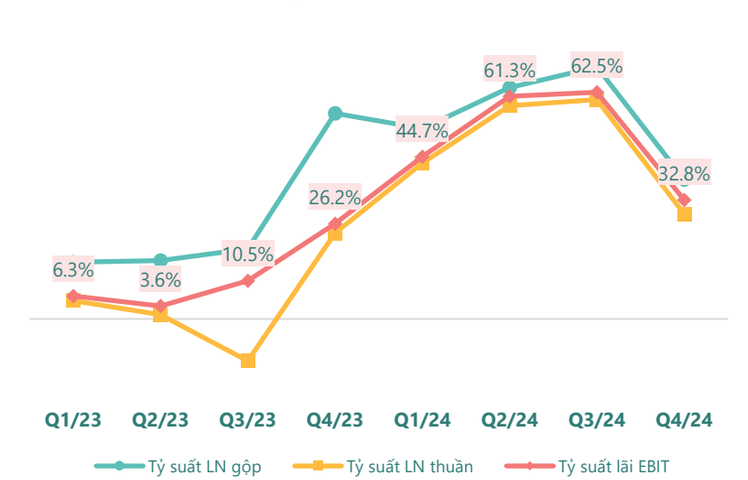
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



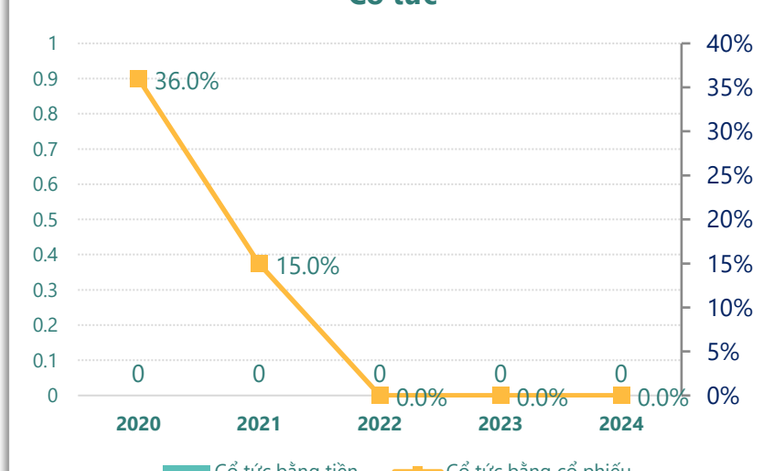
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

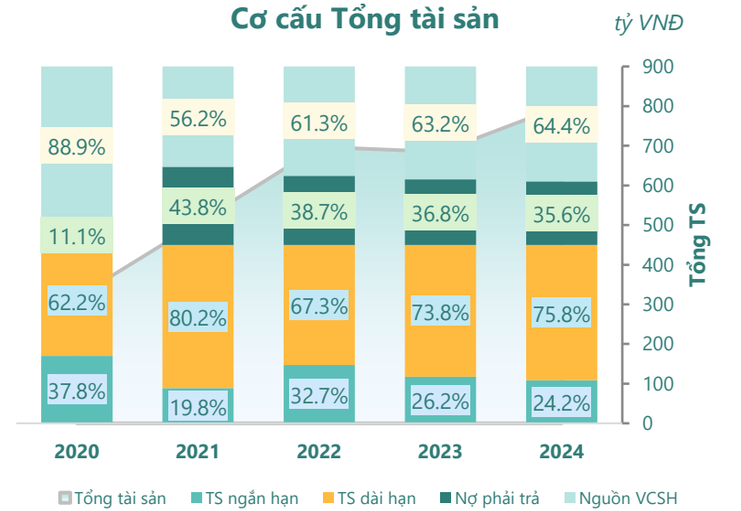
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

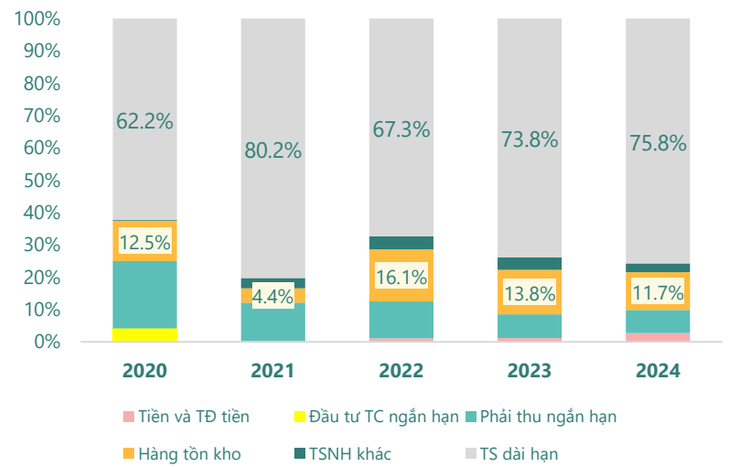
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



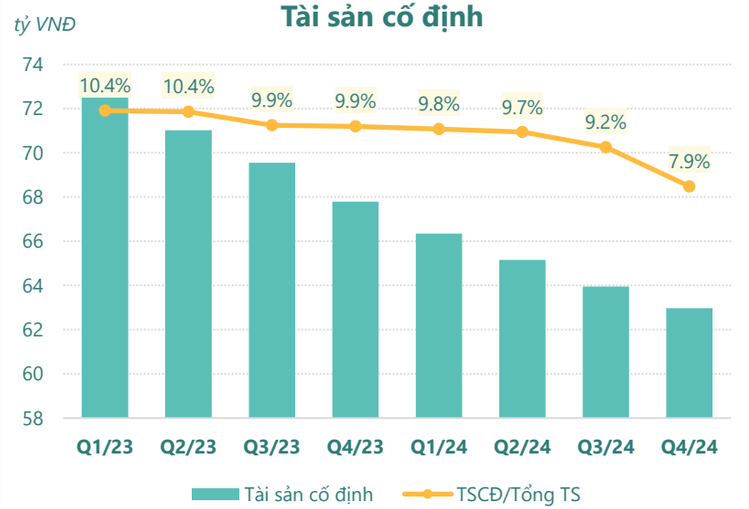
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



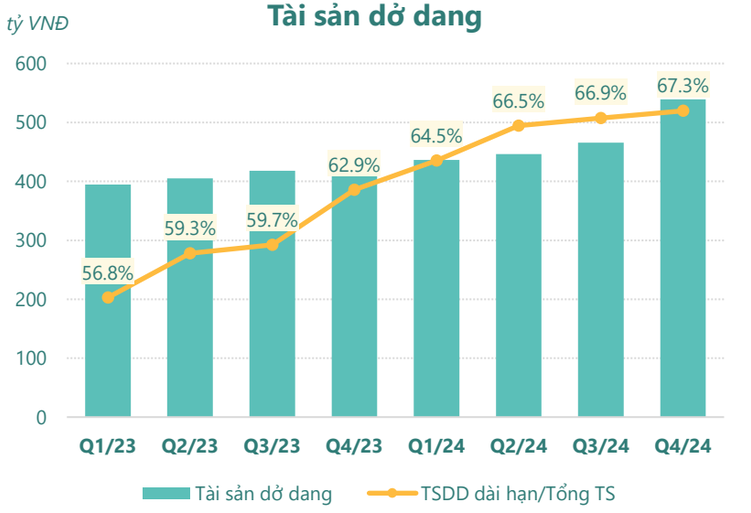
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



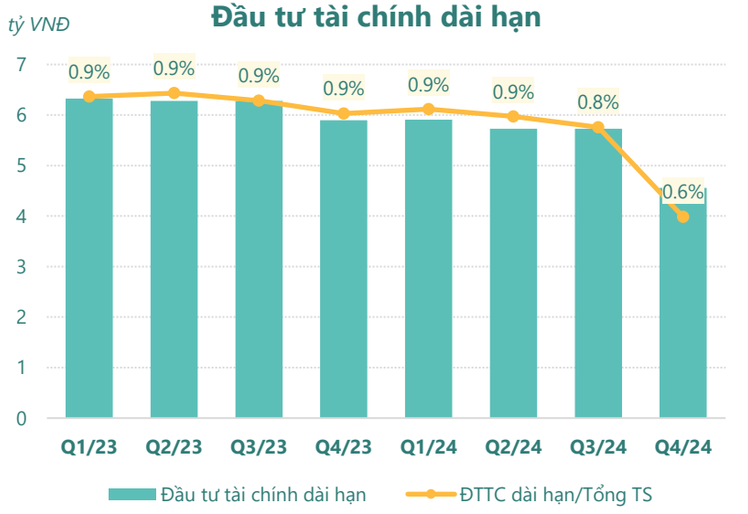
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



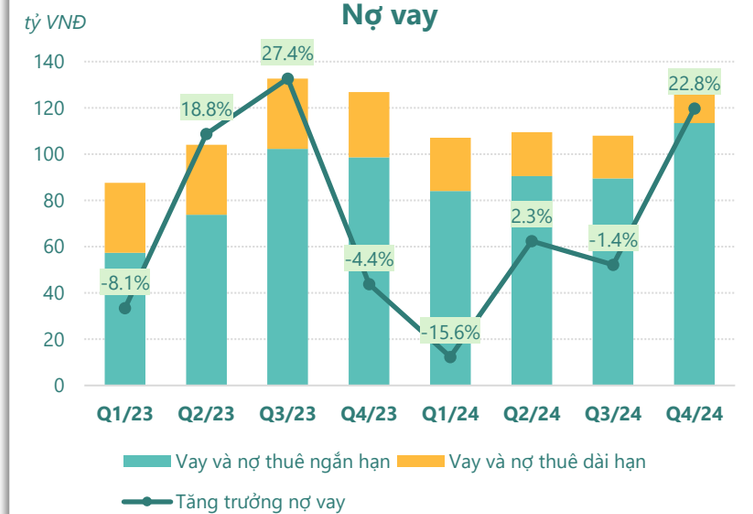
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

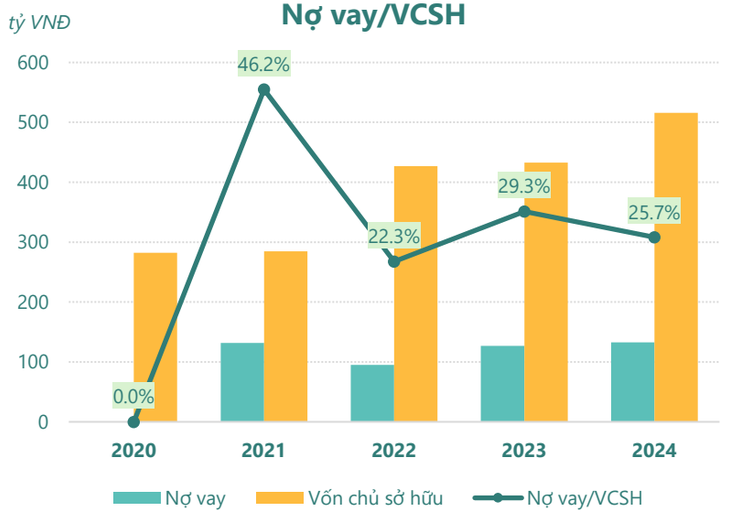
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

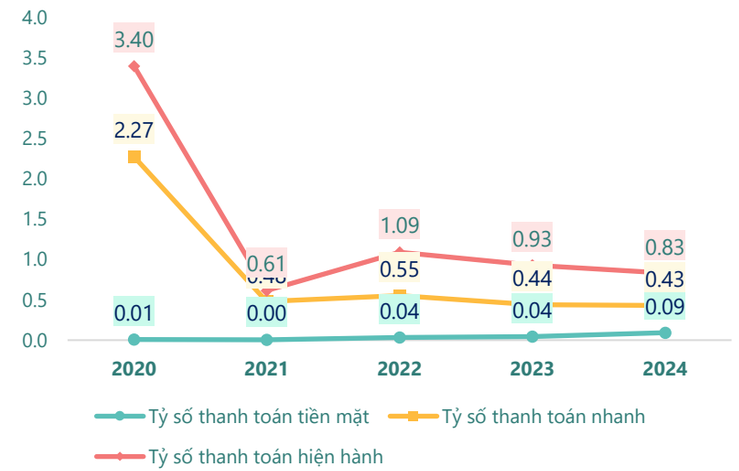
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



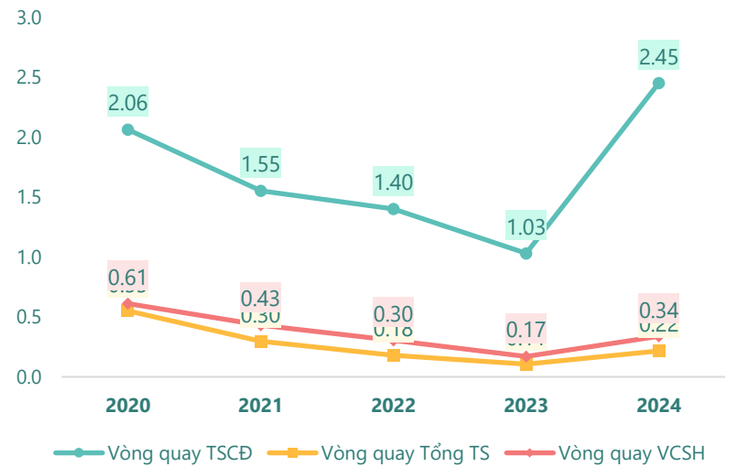
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



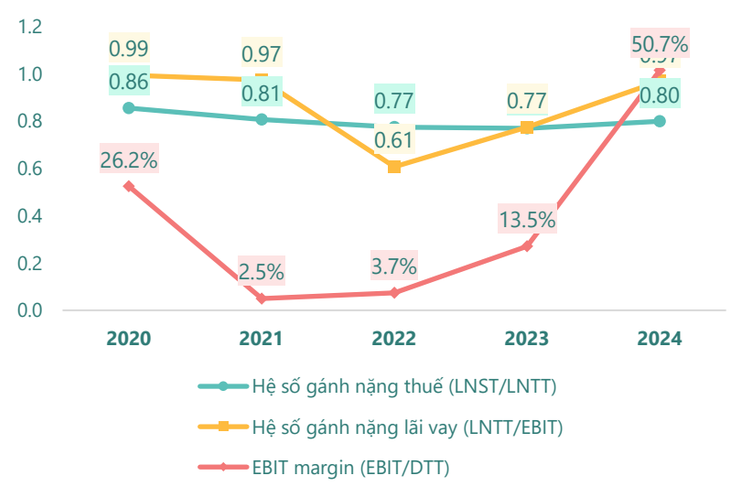
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



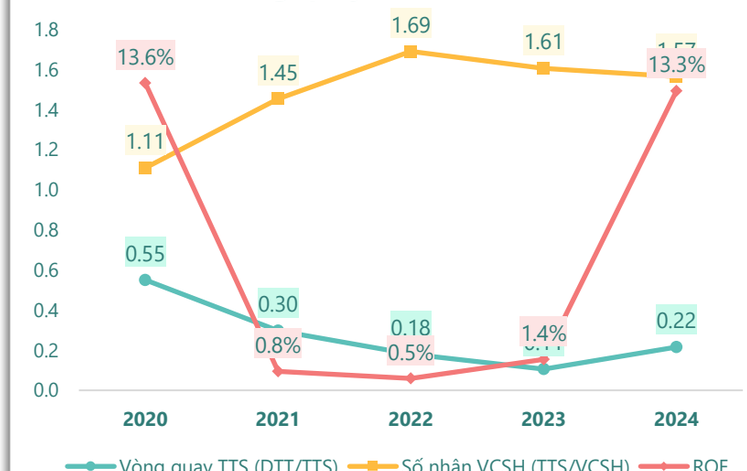
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



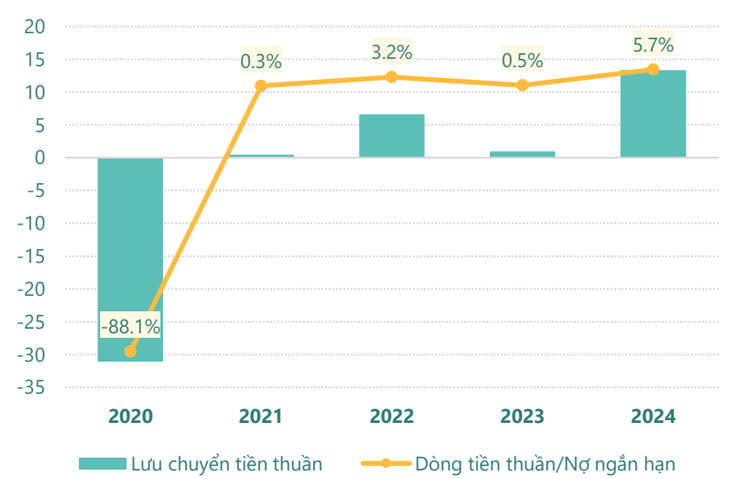
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**40.6**	**27.6**	**47.1%**	**160**	**73.1**	**119%**
Giá vốn hàng bán	25.0	11.9	110%	70.9	50.1	41.6%
Lợi nhuận gộp	15.6	15.6	0.0%	89.4	23.1	288%
Doanh thu HĐTC	0.02	0.00		0.05	0.01	541%
Chi phí TC	1.86	1.13	64.8%	3.87	2.65	46.2%
Chi phí lãi vay	0.69	0.75	-7.6%	2.51	2.23	12.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.03**	**7.95**	**-74.5%**	**7.69**	**13.6**	**-43.7%**
LN thuần từ HĐKD	11.7	6.53	79.5%	77.9	6.77	1051%
Lợi nhuận khác	**0.91**	**-0.06**	**1613%**	**0.86**	**0.89**	**-3.8%**
LN trước thuế	12.6	6.47	95.2%	78.8	7.66	929%
Lợi nhuận sau thuế	**10.1**	**5.17**	**95.1%**	**63.0**	**5.89**	**969%**
LNST của CĐ cty mẹ	**10.1**	**5.17**	**95.1%**	**63.0**	**5.89**	**969%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-22.7	31.5	32.7	6.19	-11.0	66.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.97	-18.5	-4.38	-10.8	-2.98	-88.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	28.5	-5.80	-19.8	2.45	18.5	24.6
Tiền đầu kỳ	0.31	1.10	8.29	16.9	14.7	19.2
Lưu chuyển tiền thuần	**0.79**	**7.19**	**8.57**	**-2.20**	**4.54**	**2.44**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.10	8.29	16.9	14.7	19.2	21.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**801**	**685**	**17.0%**
Tài sản ngắn hạn	194	179	8.2%
Tiền và tương đương tiền	21.6	8.29	161%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	57.5	50.1	14.6%
Hàng tồn kho	93.5	94.3	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	21.5	26.7	-19.3%
Tài sản dài hạn	**607**	**505**	**20.1%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	63.0	67.8	-7.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	539	430	25.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.56	5.91	-22.9%
Tài sản dài hạn khác	**0.06**	**1.23**	**-95.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	285	252	13.1%
Nợ ngắn hạn	**234**	**193**	**21.3%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	113	98.6	15.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.0	16.7	-4.4%
Nợ dài hạn	50.9	59.0	-13.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	19.2	28.2	-32.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**516**	**433**	**19.2%**
Vốn chủ sở hữu	**516**	**433**	**19.2%**
Vốn điều lệ	442	422	4.7%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)